

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

Trạm Tấu, ngày 01 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa:

Anh Giàng A T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Chị Phàng Thị D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Giàng A T và chị Phàng Thị D.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Giàng A T và chị Phàng Thị D thống nhất có 02 con chung là Giàng Thị D, sinh ngày 14-03-2013 và Giàng Chiến T, sinh ngày 22-12-2014 và thoả thuận giao cho anh Giàng A T trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Giàng Thị D và Giàng Chiến T, cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Luật. Chị Phàng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Phàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Giàng A T và chị Phàng Thị D thống nhất tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Giàng A T nhận chịu cả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2023/0000462, ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, anh Giàng A T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Lên**